

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 13017/BTC-ĐT  
V/v Hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến  
thẩm định dự thảo Nghị định quy  
định lãi vay, lợi nhuận hợp lý,  
phương thức thanh toán, quyết  
toán dự án đầu tư theo hợp đồng  
BT; miễn thuế thu nhập doanh  
nghiệp, miễn thuế thu nhập cá  
nhân trên địa bàn Thành phố Hồ  
Chí Minh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 24/11/2023, Bộ Tài chính đã có văn bản số 12940/BTC-ĐT gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định gồm: Tờ trình Chính phủ số 254/TTr-BTC ngày 27/11/2023, Dự thảo Nghị định, Phụ lục tổng hợp ý kiến bộ, ngành, UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./. h

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT (04) wy

**TL.BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Bùi Việt Hưng**

Số: 254 /BTC-TTr

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Kính gửi: Chính phủ.

(*Tài liệu gửi Bộ Tư pháp thẩm định*)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 98/2023/QH15), thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 27/7/2023 về phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15; trên cơ sở phối hợp với các bộ, ngành, UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính trình Chính phủ Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi phí lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo) và báo cáo như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

#### 1. Về việc ban hành các nội dung hướng dẫn lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT

Tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/5/2023, Quốc hội đã cho phép Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng loại hợp đồng BT và sử dụng vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán.

Đồng thời, điểm d khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023, Quốc hội giao “Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT”.

## **2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân**

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 98/2023/QH15 đã quy định một số chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân để hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực ưu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 98/2023/QH15, Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết này.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Xây dựng khung pháp lý làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hợp đồng BT; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội.
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của cơ quan nhà nước.
- Phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 19/7/2023 (nêu trên), Bộ Tài chính đã có văn bản 9796/BTC-ĐT ngày 13/9/2023 gửi xin ý kiến các bộ, ngành, UBND Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo Nghị định quy định lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã có văn bản số 10155/BTC-ĐT ngày 21/9/2023, văn bản số 10400/BTC-ĐT ngày 29/9/2023 đôn đốc các bộ, ngành, UBND Thành phố Hồ Chí Minh sớm có ý kiến để Bộ Tài chính tổng hợp triển khai các bước theo quy định.

2. Đến ngày 22/11/2023, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của 10/12 cơ quan, 02/112 cơ quan chưa có văn bản gửi Bộ Tài chính (Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Tài chính ngân sách của Quốc hội). Trong đó, Ngân hàng Nhà nước không có ý kiến bổ sung dự thảo Nghị định; 9/10 cơ quan có ý kiến góp ý, bổ sung dự thảo Nghị định.

3. Ngày 01/11/2023, Bộ Tài chính đã chủ trì tổ chức cuộc họp với đại diện các bộ, ngành (các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp, Giao thông vận

phố Hồ Chí Minh (các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông; Cục thuế) theo Giấy mời họp số 342/GM-ĐT ngày 27/10/2023 của Bộ Tài chính.

4. Căn cứ ý kiến tại cuộc họp ngày 01/11/2023, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có văn bản số 12052/BTC-ĐT ngày 06/11/2023, văn bản số 12248/BTC-ĐT ngày 09/11/2023 gửi xin ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị định.

5. Ngày 08/11/2023, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 5526/UBND-TH về góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội.

6. Trên cơ sở tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, ngày / /2023, Bộ Tài chính đã gửi hồ sơ đề Bộ Tư pháp thẩm định.

7. Đến ngày / /2023, Bộ Tư pháp đã có văn bản thẩm định.

8. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định (kèm theo).

#### **IV. BỘ CỤC**

Dự thảo Nghị định gồm 05 Chương, 16 Điều, 02 Phụ lục; cụ thể như sau:

**Chương 1.** Quy định chung (Điều 1 đến Điều 2)

**Chương 2.** Lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án BT (Điều 3 đến Điều 11)

**Chương 3.** Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân (Điều 12 đến Điều 13)

**Chương 4.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14 - Điều 15)

**Chương 5.** Tổ chức thực hiện (Điều 16)

*Phụ lục: Mẫu số 01. Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT; Mẫu số 02. Giấy rút vốn*

#### **V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

##### **I. Về hướng dẫn các nội dung hợp đồng BT**

###### **1. Quy định về hợp đồng BT tại Nghị quyết số 98/2023/QH15**

*Điểm d khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 quy định:*

*"d. Thành phố được áp dụng loại hợp đồng BT.*

*Thẩm quyền, trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án áp dụng loại hợp đồng BT được thực hiện như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư dự án áp dụng loại hợp đồng BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư*

công theo quy định của pháp luật về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án”.

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT được thực hiện sau khi thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt.

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án.

Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hàng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vẫn hành độc lập được hoàn thành nghiêm thu, kiểm toán và căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT”.

## **2. Đề xuất hướng dẫn của Bộ Tài chính**

Trên cơ sở các nội dung (nêu trên), Bộ Tài chính đề xuất quy định một số nội dung như sau:

### **2.1. Căn cứ xác định trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý (Điều 3)**

- Lãi suất tham khảo đề xuất lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng: Lãi suất trái phiếu chính quyền địa phương phát hành; Lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự (nếu có); Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn đối với tổ chức của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước (không bao gồm các ngân hàng bị mua lại bắt buộc)<sup>1</sup>.

- Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được giao cung cấp.

### **2.2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư (Điều 4)**

Để đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của các dự án BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, dự thảo Nghị định quy định theo hướng:

---

<sup>1</sup> Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết về mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, nguyên tắc áp dụng trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên vốn đầu tư tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo thời hạn hợp đồng BT tương ứng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu theo ngành, lĩnh vực của dự án BT trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để thực hiện dự án BT trên địa bàn Thành phố trong năm tiếp theo.

- Trường hợp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn trên thị trường tín dụng có biến động dẫn đến phải điều chỉnh về trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng dự án BT, Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

### **2.3. Căn cứ xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán (Điều 5)**

- Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng: Tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư; Lãi vay sau thời gian xây dựng của phần vốn vay đã được Nhà nước thanh toán sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư; Lãi vay trong khoảng thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán chậm so với thời gian quy định không được Nhà nước thanh toán.

- Lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được tính theo lãi suất vốn vay thực tế do nhà đầu tư huy động vốn để thực hiện dự án BT. Trường hợp lãi suất vốn vay thực tế cao hơn so với quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có) thì mức lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán tối đa bằng lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

- Thời điểm giải ngân các nguồn vốn, thời điểm Nhà nước thanh toán.

### **2.4. Căn cứ xác định lợi nhuận của nhà đầu tư được Nhà nước thanh toán (Điều 6)**

- Thời gian tính lợi nhuận của nhà đầu tư: tính từ thời điểm hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư; Lợi nhuận của nhà đầu tư đối với phần vốn chủ sở hữu đã được Nhà nước thanh toán chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư; Lợi nhuận của nhà đầu tư trong khoảng thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành chậm so với thời gian quy định không được Nhà nước thanh toán.

- Mức vốn chủ sở hữu, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư.

### **2.5. Về thanh toán vốn đầu tư công cho dự án BT (Điều 7, Điều 8, Điều 9)**

- Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiềm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

- Cơ quan ký kết hợp đồng dự án BT mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch.

- Điều kiện thanh toán dự án BT: (i) Dự án BT hoặc hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được cơ quan ký kết hợp đồng BT cấp xác nhận hoàn thành theo quy định pháp luật xây dựng và đã được kiểm toán giá trị dự án hoàn thành, hạng mục công trình vận hành độc lập hoàn thành; (ii) Việc thanh toán lần cuối chỉ thực hiện sau khi giá trị vốn đầu tư công dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hồ sơ thanh toán: hồ sơ pháp lý gửi 01 lần, hồ sơ đề nghị thanh toán từng lần.

### **2.3. Quyết toán dự án BT hoàn thành (Điều 10, Điều 11)**

Việc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và một số quy định sau:

- Cơ quan lập báo cáo quyết toán: Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT.

- Người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT là người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

- Nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành: dự án BT hoàn thành phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán; Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành căn cứ quyết định phê duyệt dự án, quy định tại hợp đồng dự án BT, báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành và văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay của nhà đầu tư phát sinh sau thời điểm cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán.

### **2.4. Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14 - Điều 15)**

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án BT;

## **II. Về miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân:**

### **1. Quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân tại Nghị quyết số 98/2023/QH15:**

- Tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết quy định:

#### **"Điều 8. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**

1. Việc hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố được quy định như sau:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi

mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố;

i) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyên góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

...

e) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này; tiêu chí, lĩnh vực thử nghiệm giải pháp công nghệ mới và nội dung hỗ trợ (nếu có) quy định tại điểm d khoản này và mức hỗ trợ quy định tại điểm đ khoản này”.

- Tại khoản 4 Điều 12 Nghị quyết quy định:

“4. Sau khi Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành, thời gian miễn thuế cho các đối tượng theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết này chưa kết thúc thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc thời gian miễn thuế.”.

- Tại nội dung điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết:

### **“Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành Nghị định hướng dẫn quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 của Nghị quyết này;”.

### **2. Đề xuất hướng dẫn của Bộ Tài chính**

2.1. Về nội dung miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyên góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị quyết (Điều 12)

Pháp luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã quy định cụ thể việc xác định doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế và số thuế phải nộp để làm cơ sở thực hiện việc miễn thuế của doanh nghiệp. Ngoài ra:

Theo quy định của pháp luật thuế TNDN thì việc xác định thời điểm bắt đầu miễn thuế thường được tính từ kỳ tính thuế đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, tại Nghị quyết 98/2023/QH15 (điểm a khoản 1 Điều 8) đã quy định: “Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp”, do đó, để đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung hướng dẫn thời điểm miễn thuế theo đúng Nghị quyết số 98/2023/QH15 là miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp.

- Cũng theo pháp luật về thuế TNDN hiện hành thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng

quyền gop vốn và chuyển nhượng chứng khoán, đồng thời có quy định phân biệt riêng giữa thu nhập từ chuyển nhượng vốn gop vào doanh nghiệp khác và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Cụ thể:

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định:

"a) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm thu nhập từ nghiệp chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào doanh nghiệp, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền gop vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật;"

Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết chỉ quy định miễn thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn gop vào doanh nghiệp, quyền gop vốn vào doanh nghiệp chứ không phải miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn nói chung vào doanh nghiệp. Do đó, về nội dung này, nhằm điều bảo theo đúng nội dung Nghị quyết, Bộ Tài chính trình Chính phủ chỉ hiết miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn gop vào doanh nghiệp giao gop vốn vào doanh nghiệp và không miễn thuế đối với thu nhập từ chết hợp nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác, thúc thi.

Từ các nội dung báo cáo nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất nội đang hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 cụ thể như sau:

1. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học kỹ thuật nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gọi chung là doanh nghiệp) có thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này.*

Các doanh nghiệp có thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thời gian miễn thuế là 05 năm tính từ thời điểm mà doanh nghiệp phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực. Sau khi Nghị quyết số 98/2023/QH15 hết hiệu lực thi hành, thời gian miễn thuế theo quy định tại khoản này chưa kết thúc thì doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc thời gian miễn thuế.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian miễn hoặc thuđiển miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện hưởng miễn khác với quy định tại Nghị định này thì được lựa chọn hưởng miễn thuế theo quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại.

2. Trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, tổ chức có thu nhập từ chuyển nhượng vốn gop, quyền gop vốn vào doanh nghiệp

*khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này.*

*Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đối mới sáng tạo.*

*Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn quy định tại khoản này là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp), trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.*

*Trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.*

*3. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp thực hiện xác định, hạch toán thu nhập từ hoạt động được miễn thuế tại Điều này theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.*

*4. Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.*

## *2.2. Về nội dung miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị quyết (Điều 13)*

Theo quy định của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác, phân biệt giữa thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp vào doanh nghiệp và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Cụ thể: Luật thuế TNCN (khoản 4 Điều 3) quy định: *Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm: a) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; b) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và c) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.*

Căn cứ quy định tại Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn, đồng thời đảm bảo thống nhất với khoản thu nhập được hưởng miễn thuế như nội dung về thuế TNDN nêu trên và tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách chuyển cho cá nhân để chuyển nhượng cho cá nhân khác, tổ chức khác nhằm mục đích miễn thuế, đảm bảo chính sách được rõ ràng, minh bạch, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung hướng dẫn chính sách miễn thuế TNCN như sau:

*1. Trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, cá*

nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập này.

*Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*

*Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn quy định tại khoản này là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp), trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.*

*Trường hợp bán toàn bộ doanh nghiệp do cá nhân làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.*

*2. Việc xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn và kê khai với cơ quan thuế thực hiện theo pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về quản lý thuế.*

### **2.3. Về hiệu lực thi hành**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

Đồng thời, khoản 1 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *Trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.*

Để đảm bảo quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân là đối tượng được miễn thuế, Bộ Tài chính đề xuất: Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng kể từ ngày Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành.

## **V. DIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện Nghị định**

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành Nghị định do các cơ quan tại Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng nguồn nhân lực thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện dự thảo Nghị định.

### **2. Về nguồn tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định**

#### **2.1. Về nguồn tài chính để thực hiện các quy định trong Nghị định:**

Nguồn vốn để thực hiện các dự án BT bằng tiền quy định tại dự thảo Nghị định tuân thủ theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 98/2023/QH15; không phát sinh các khoản chi phí, nguồn vốn khác so với quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15, Luật Đầu tư công. Việc cân đối, bố trí nguồn vốn nhà nước trong dự án PPP trong kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán chi thường xuyên của địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **2.2. Về nguồn tài chính đảm bảo tổ chức thi hành Nghị định**

Chi phí để tổ chức thi hành Nghị định được bố trí từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo quy định.

## **VI. Kiến nghị**

Với các nội dung dự thảo báo cáo (nêu trên), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, thông qua Hồ sơ trình dự thảo Nghị định, bao gồm các tài liệu sau đây:

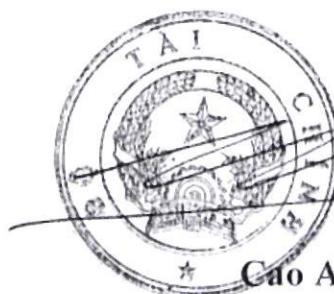
1. Tờ trình Chính phủ;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;
4. Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
5. Bảng tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức.

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./. 

### **Noi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: KHĐT, TP, GVTVT, XD, KHCN, LĐTBXH;
- NHNN Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thanh tra Chính phủ;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, ĐT(04), 

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**



\* Cao Anh Tuấn



Nghị định số /2023/NĐ-CP

DỰ THẢO  
(Trình Bộ Tư pháp thẩm định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO (lần 3)

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Nghị quyết số 98/2023/QH15) gồm:

1. Lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT (sau đây gọi là dự án BT) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15.

Lãi vay dự án BT phát sinh trong thời gian xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 98/2023/QH15.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Các bên trong hợp đồng BT, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## Chương II

### LÃI VAY SAU THỜI GIAN XÂY DỰNG, LỢI NHUẬN HỢP LÝ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN DỰ ÁN BT

#### Mục 1

##### LÃI VAY SAU THỜI GIAN XÂY DỰNG, LỢI NHUẬN HỢP LÝ

#### Điều 3. Căn cứ xác định trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý

1. Lãi suất tham khảo đề xuất lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng
  - a) Lãi suất trái phiếu chính quyền địa phương do Thành phố Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn tương ứng với thời hạn hợp đồng BT;
  - b) Lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự (nếu có);
  - c) Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn đối với tổ chức của 04 ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được giao công bố.

**Điều 4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư**

1. Căn cứ danh mục dự án BT, khả năng cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, khả năng phát hành trái phiếu của chính quyền địa phương và lãi suất vốn vay, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư quy định tại Điều 3 Nghị định này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết quy định về mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Quyết định quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo thời hạn hợp đồng BT tương ứng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng; tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo ngành, lĩnh vực trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để thực hiện dự án BT trên địa bàn Thành phố trong năm tiếp theo.

3. Quy định tại Khoản 2 Điều này là cơ sở xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư trong tổng mức đầu tư của dự án BT khi:

- a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án BT; phê duyệt chủ trương đầu tư dự án BT;
- b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; phê duyệt dự án BT;
- c) Lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng BT.
- d) Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

4. Trường hợp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn trên thị trường tín dụng có biến động dẫn đến phải điều chỉnh về trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng dự án BT, Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 5. Căn cứ xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán**

1. Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng

- a) Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng được tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

b) Lãi vay sau thời gian xây dựng của phần vốn vay đã được Nhà nước thanh toán sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

c) Lãi vay trong khoảng thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán chậm so với thời gian quy định không được Nhà nước thanh toán.

2. Lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được tính theo lãi suất vốn vay thực tế do nhà đầu tư huy động vốn để thực hiện dự án BT. Trường hợp lãi suất vốn vay thực tế cao hơn so với quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có): mức lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán tối đa bằng lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

3. Mức vốn vay thực tế mà nhà đầu tư đã huy động để thực hiện dự án BT, tối đa bằng mức vốn vay quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

4. Thời điểm giải ngân các khoản vay, tỷ lệ giải ngân giữa vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay theo quy định tại hợp đồng BT đã ký kết và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

5. Thời điểm Nhà nước thanh toán nguồn vốn đầu tư công cho nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

#### **Điều 6. Căn cứ xác định lợi nhuận của nhà đầu tư được Nhà nước thanh toán**

1. Thời gian tính lợi nhuận của nhà đầu tư

a) Lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

b) Đối với các hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được thanh toán theo quy định của hợp đồng BT: lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ thời điểm hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng đến thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

c) Lợi nhuận của nhà đầu tư đối với phần vốn chủ sở hữu đã được Nhà nước thanh toán chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

d) Lợi nhuận của nhà đầu tư trong khoảng thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành chậm so với thời gian quy định không được Nhà nước thanh toán.

2. Mức vốn chủ sở hữu thực tế mà nhà đầu tư đã tham gia dự án BT, tối đa bằng mức vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có);

3. Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có);

4. Thời điểm Nhà nước thanh toán nguồn vốn đầu tư công cho nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

## Mục 2

### THANH TOÁN DỰ ÁN BT

#### **Điều 7. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công**

1. Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này.
2. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án BT mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch. Việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Sau khi nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có) của Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh, đối với các nhiệm vụ, dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Nghị quyết số 98/2023/QH15 và đã được phân bổ, điều chỉnh phân bổ vốn kế hoạch, Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng (nếu có), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán vốn cho dự án.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT chưa đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán và chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT, cơ quan kiểm soát, thanh toán phải có văn bản thông báo cụ thể lý do từ chối thanh toán gửi một lần cho cơ quan ký kết hợp đồng BT để hoàn thiện, bổ sung theo quy định của Nghị định này.

4. Thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT theo quy định tại Nghị định này.

5. Tổng số vốn thanh toán cho dự án BT không được vượt tổng mức đầu tư, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số vốn đầu tư công giải ngân trong năm của dự án không vượt vốn kế hoạch trong năm đã bố trí cho dự án.

6. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, hồ sơ thanh toán theo quy định.

7. Cơ quan ký kết hợp đồng BT chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán và hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Kho bạc nhà nước.

## **Điều 8. Điều kiện thanh toán dự án BT**

1. Hợp đồng BT phải có quy định cụ thể về tỷ lệ vốn chủ sở hữu và vốn vay, điều kiện, thời hạn, số lần Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT).
2. Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư sau khi dự án BT hoặc hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được cơ quan ký kết hợp đồng BT cấp xác nhận hoàn thành theo quy định của pháp luật xây dựng và đã được kiểm toán giá trị dự án BT hoàn thành, hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành.
3. Việc thanh toán lần cuối chỉ thực hiện sau khi giá trị vốn đầu tư công dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

## **Điều 9. Hồ sơ thanh toán**

### **1. Hồ sơ pháp lý dự án BT**

Cơ quan ký kết hợp đồng phải gửi đến Kho bạc Nhà nước hồ sơ pháp lý dự án BT (gửi lần đầu khi giao dịch với Kho bạc Nhà nước hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung) như sau:

- a) Quyết định phê duyệt dự án BT của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án BT (nếu có);
- b) Hợp đồng BT đã ký và phụ lục hợp đồng BT (nếu có) (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng sao y);
- c) Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao;
- d) Đối với thanh toán hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành: Văn bản xác nhận hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành theo quy định của pháp luật xây dựng.

### **2. Hồ sơ thanh toán**

- a) Đối với thanh toán hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành: Báo cáo kiểm toán giá trị hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành.
- b) Đối với thanh toán sau khi dự án BT hoàn thành: Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- c) Đối với thanh toán lãi vay sau thời gian xây dựng phát sinh sau thời điểm cơ quan kiểm toán kiểm toán: Văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay phát sinh sau thời điểm được kiểm toán;
- d) Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này);
- đ) Giấy rút vốn (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định này).

### Mục 3

#### **QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN BT HOÀN THÀNH**

##### **Điều 10. Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành**

1. Việc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định tại Điều 11 Nghị định này.

2. Nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành

a) Dự án BT hoàn thành phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán.

b) Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành căn cứ quyết định phê duyệt dự án, quy định tại hợp đồng dự án BT, báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành và văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay của nhà đầu tư phát sinh sau thời điểm cơ quan kiểm toán kiểm toán.

##### **Điều 11. Cơ quan lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành, hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành**

1. Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) là cơ quan lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành gửi hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư.

2. Hồ sơ trình thẩm định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành theo quy định về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; trong đó hợp đồng là hợp đồng dự án BT và các phụ lục hợp đồng dự án BT (nếu có).

### Chương III

#### **MIỄN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP, THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

##### **Điều 12. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gọi chung là doanh nghiệp) có thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này.

Các doanh nghiệp có thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thời gian miễn thuế là 05 năm tính từ thời điểm mà doanh nghiệp phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực. Sau khi Nghị quyết số 98/2023/QH15 hết hiệu lực thi

hành, thời gian miễn thuế theo quy định tại khoản này chưa kết thúc thì doanh nghiệp tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc thời gian miễn thuế.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian miễn hoặc thuộc diện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện hưởng miễn khác với quy định tại Nghị định này thì được lựa chọn hưởng miễn thuế theo quy định tại Nghị định này cho thời gian còn lại.

2. Trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, tổ chức có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập này.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn quy định tại khoản này là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp), trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.

Trường hợp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

3. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp thực hiện xác định, hạch toán thu nhập từ hoạt động được miễn thuế tại Điều này theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

### **Điều 13. Miễn thuế thu nhập cá nhân**

1. Trong thời gian Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập này.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố về lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn quy định tại khoản này là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn, quyền góp

vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp), trừ thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.

Trường hợp bán toàn bộ doanh nghiệp do cá nhân làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

2. Việc xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn và kê khai với cơ quan thuế thực hiện theo pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về quản lý thuế.

#### **Chương IV**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

##### **Điều 14. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này, đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này và pháp luật xây dựng, pháp luật đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư BT theo đúng quy định tại hợp đồng BT đã ký kết.

3. Phối hợp với bộ, ngành để được hướng dẫn, xử lý các vướng mắc (nếu có) liên quan đến trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án BT, chi phí đầu tư xây dựng, chất lượng xây dựng, ký kết và quản lý hợp đồng BT.

##### **Điều 15. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án BT**

1. Chịu trách nhiệm về lựa chọn phương thức đầu tư của dự án theo hợp đồng BT; đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

2. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án BT, sử dụng vốn đầu tư công thanh toán dự án BT và hiệu quả đầu tư của dự án BT.

#### **CHƯƠNG V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng kể từ ngày Nghị quyết số 98/2023/QH15 có hiệu lực thi hành.

2. Quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, thanh toán, quyết toán dự án BT tại Nghị định này áp dụng cho các hợp đồng BT ký kết kể từ ngày có hiệu lực của Nghị định này và được tiếp tục thực hiện đến khi thanh lý hợp đồng BT.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 108/2023/NĐ-CP ngày 10/10/2023 của Chính phủ)*

Mẫu số 01      Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT

Mẫu số 02      Giấy rút vốn

**UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../GĐN-(1)<sup>1</sup>

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CỦA CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT**

**Kính gửi:** .....(cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Tên dự án, công trình: ..... Mã dự án đầu tư .....

Doanh nghiệp án BT (hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT):.....

Cơ quan ký kết hợp đồng: ..... Mã số ĐVSDNS: .....

Số tài khoản của doanh nghiệp dự án BT (hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT):.....

Vốn trong nước (TN).....

tại .....

Vốn nước ngoài (NN) .....

tại .....

Căn cứ hợp đồng BT số: ... ngày ... tháng....năm..., Phụ lục hợp đồng BT số ...ngày...tháng...năm (nếu có).

Căn cứ báo cáo giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành ngày ...tháng...năm...của Kiểm toán Nhà nước.

Lũy kế giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành đề nghị thanh toán: ..... đồng.

Số tiền đề nghị thanh toán hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành: ..... đồng.

Thuộc nguồn vốn: .....

Thuộc kế hoạch vốn: ..... Năm .....

*Đơn vị: Đồng*

Nội dung	Giá trị hạng mục công trình/công trình dự án xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành	Lũy kế giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành đã thanh toán		Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Thanh toán cho					

<sup>1</sup> Tên viết tắt của cơ quan ký kết hợp đồng BT

hạng mục/dự án					
.....					
Công					

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng số: ..... đồng

Bằng chữ: ..... đồng

Tên đơn vị thụ hưởng: .....

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng ..... tại .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN**

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư: .....

Kho bạc Nhà nước chấp nhận	Thanh toán	Theo nội dung	
Nội dung	Tổng số	Vốn TN	Vốn NN
<b>Số vốn chấp nhận</b>			
- Mục...., tiêu mục			
- Mục ..., tiêu mục			
<b>Trong đó:</b>			
- Các năm trước			
- Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
.....			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ			
<b>Số vốn từ chối:</b>			
Lý do:			

Ghi chú:

**NGƯỜI THANH TOÁN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO PHÒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM  
SOÁT, THANH TOÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và  
đóng dấu)

Không ghi vào  
khu vực này

### GIẤY RÚT VỐN

Thực chi

Chuyển khoản   
Tiền mặt tại ...   
Tiền mặt tại ...

Tên dự án: ...

Cơ quan ký kết hợp đồng BT: ...

Tài khoản: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán số: ... ngày ... / ... / ....

Mã ĐVQHNS: ...

Tại Kho bạc Nhà nước: ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
<b>Tổng cộng:</b>								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

Trong đó:

#### NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...

Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã chương: ...

Cơ quan quản lý thu: ... Ký thuế: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...

#### THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...

Địa chỉ: ...

Tài khoản: ... Mã DA và HTCT: ...

Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...

Hoặc người nhận tiền: ...

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

#### PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI

##### 1. Nộp thuế:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã CQ thu: ...

Mã ĐBHC: ...

##### 2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI LĨNH TIỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT**

**HỢP ĐỒNG BT**

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

#### CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ QUÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN**  
(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục I



BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG (LẦN I)

Về các nội dung lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, thanh toán, quyết toán dự án BT  
(Kèm theo văn bản số 13014/BTC-DT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính)

STT	Nghị định	Bộ, ngành, địa phương	Ý kiến bộ, ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu
Điều 2. Đối tượng áp dụng				
1.1	Khoản 1	Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị nghiên cứu, rà soát theo hướng: "1. Các bên trong hợp đồng BT; <del>eơ-quan-quản lý nhà nước và các-eơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh". Lý do: cụm từ "cơ quan" đã bao gồm "cơ quan quản lý nhà nước"</del>	Tiếp thu
1.2	Khoản 2		Đề nghị sửa như sau: "Doanh nghiệp, Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí, điều kiện do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định".	Không tiếp thu. Lý do: Sử dụng cụm từ "doanh nghiệp" đảm bảo phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật về thuế.
2	Điều 3. Lãi suất vốn vay			
2.1	Khoản 1	Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị sửa khoản 1 Điều 3 như sau: "Hàng năm, UBND Thành phố Hồ Chí Minh tham khảo lãi suất vốn vay trung hạn, <del>mai vòn</del> hạn của các ngân hàng thương mại vòn Nhà nước để trình Hội đồng	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 3 Điều 4 theo hướng: Sử dụng lãi suất vốn vay trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước có quy mô lớn; sử dụng lãi suất vốn vay dự án BT tương tự (nếu có)

STT	Nghị định	Bộ, ngành, địa phương	Ý kiến bộ, ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu
			<p><i>nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua trần lãi suất vốn vay và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay của các dự án BT”</i>: Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãi suất vốn vay ngắn hạn của các ngân hàng thương mại vay nhà nước (điểm a khoản 1) và lãi suất trái phiếu chính quyền địa phương (điểm b khoản 1) có sự chênh lệch rất lớn, rất khó xác định.</li> <li>- Mức lãi suất của các dự án BT tương tự trong thời gian qua không có do quy định của pháp luật không cho phép triển khai các dự án BT</li> </ul>	
	Bộ Nội vụ	Dề nghị quy định mức áp dụng tối đa - tối thiểu so với mức trần lãi suất được tham khảo đề Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định khung tỷ lệ	Dự thảo Nghị định quy định theo hướng chỉ quy định trần mức lãi suất tối mà Nhà nước chấp nhận khi thực hiện dự án BT, đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án cũng như lựa chọn được nhà đầu tư có khả năng huy động được nguồn vốn với lãi suất thấp.	
	Bộ Xây dựng	Điểm d khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023, Quốc hội giao “ <i>Chính phủ quy định lãi vay... dự án áp dụng loại hợp đồng BT”</i> . Đề nghị nghiên cứu, đề xuất quy định cụ thể về lãi suất vốn vay của dự án BT, đảm bảo phù hợp với quy định tại	<p>Tiếp thu theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về trần lãi suất vốn vay và nguyên tắc áp dụng trần lãi suất vốn vay;</li> <li>- Căn cứ Nghị quyết, Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phê duyệt lãi suất vốn vay sau thời gian xây theo thời hạn hợp đồng</li> </ul>	

STT	Nghị định	Bộ, ngành, địa phương	Ý kiến bộ, ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu
		Bộ Tư pháp	khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Quy định tại Điều 3 chưa rõ, có thể gây chồng chéo về thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp	BT.
2.2	Điểm a khoản 1	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị xem xét bổ sung, làm rõ thêm lãi suất cho vay cá nhân hay tổ chức	Tiếp thu theo hướng lãi suất cho vay đổi với tổ chức.
2.3	Điểm c khoản 1	Kiểm toán nhà nước	Đề nghị sửa như sau: “Lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự <i>có cùng thời điểm thực hiện</i> (nếu có)”.	Không tiếp thu. Lý do: hiện nay dự án BT chưa được thực hiện nên nếu sử dụng các dự án BT có cùng thời điểm thực hiện sẽ không khả thi.
2.4	Khoản 2	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị sửa khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định thành: “... lập, tham định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ <b>Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư</b> , quyết định chủ trương đầu tư; lập, tham định Báo cáo nghiên cứu khả thi; quyết định đầu tư, ...” hồ sơ mời thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng BT, thanh toán dự án BT.	Tiếp thu
2.5	Điểm a khoản 3	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị sửa thành: <i>Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà đầu tư</i> .	Tiếp thu theo hướng quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý quy định tại là cơ sở khi lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng BT.